BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN TÀI NĂM HỌC 2017 - 2018

(ban hành kèm theo Quyết định số: 1770/QĐ-ĐHSPKT ngày 19/10/2017 của Hiệu trưởng)

TT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khoa	Tên ngành	Điểm	Số tiền nhận
1	17125151	Đào Trung	An	25/03/1999	Kinh tế	Kế toán (hệ Đại trà)	28.3	28,000,000
2	17110350	Nguyễn Huỳnh	Phúc	24/09/1999	Công nghệ Thông tin	CN Thông Tin (hệ Đại trà)	27.8	28,000,000
3	17151289	Đào Hùng	Vương	16/10/1999	Điện - Điện tử	CNKT ĐK và tự động hoá (hệ Đại trà)	27.35	27,000,000
4	17145301	Trần Vĩnh	Huy	26/08/1999	Cơ Khí Động Lực	CNKT ô tô (hệ Đại trà)	27.2	27,000,000
5	17146233	Nguyễn Nam	Bình	04/11/1999	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CNKT cơ điện tử (hệ Đại trà)	27.15	27,000,000
6	17142245	Đỗ Thanh	Hóa	17/11/1999	Điện - Điện tử	CNKT điện - điện tử (hệ Đại trà)	27.15	27,000,000
7	17145009	Nguyễn Đăng	Danh	18/10/1999	ĐT chất lượng cao	CNKT ô tô (hệ CLC tiếng Anh)	26.9	27,000,000
8	17116214	Vũ Đức	Thái	05/12/1999	CN Hóa học và Thực phẩm	CN Thực phẩm (hệ Đại trà)	26.75	27,000,000
9	17146188	Phạm Thanh	Tân	02/11/1999	ĐT chất lượng cao	CNKT cơ điện tử (hệ CLC tiếng Việt)	26.55	27,000,000
10	17144321	Bùi Tiến	Việt	13/09/1999	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CNKT cơ khí (hệ Đại trà)	26.45	26,000,000
11	17151047	Trần Đức	Cảnh	10/09/1999	ĐT chất lượng cao	CNKT ĐK và tự động hoá (hệ CLC tiếng Việt)	26.45	26,000,000
12	17143219	Lê Phát	Minh	30/01/1999	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CN chế tạo máy (hệ Đại trà)	26.4	26,000,000
13	17127017	Võ Duy	Hạnh	07/08/1999	Xây dựng	KT Xdựng công trình giao thông (hệ Đại trà)	26.35	26,000,000
14	17128039	Phạm Đức	Mạnh	30/07/1999	CN Hóa học và Thực phẩm	CNKT Hóa học (hệ Đại trà)	26.3	26,000,000
15	17133039	Mai Bình	Nam	24/01/1999	Công nghệ Thông tin	Kỹ thuật dữ liệu (hệ đại trà)	26.2	26,000,000
16	17132036	Phạm Thị Như	Nguyên	31/07/1999	Kinh tế	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (hệ Đại trà)	26.2	26,000,000
17	17149258	Phan Duy	Sơn	06/11/1999	Xây dựng	CNKT công trình xây dựng (hệ Đại trà)	26	26,000,000
18	17950027	Đoàn Phương	Thanh	26/06/1999	Ngoại ngữ	Sư phạm Tiếng Anh (hệ Đại trà)	26	26,000,000
19	17109173	Nguyễn Thị Linh	Tiên	17/10/1999	CN May và Thời trang	CN may (hệ Đại trà)	25.9	26,000,000
20	17142075	Võ Công	Duy	23/12/1999	ĐT chất lượng cao	CNKT điện - điện tử (hệ CLC tiếng Việt)	25.85	26,000,000
21	17116056	Nguyễn Công	Danh	26/11/1999	ĐT chất lượng cao	CN Thực phẩm (hệ CLC tiếng Việt)	25.7	26,000,000
22	17124179	Bùi Thị Yến	Nhi	16/12/1999	Kinh tế	Quản lý Công nghiệp (hệ Đại trà)	25.7	26,000,000
23	17141218	Huỳnh Đức Hoàng	Phúc	31/03/1999	Điện - Điện tử	CNKT Điện tử - tr/thông (hệ Đại trà)	25.45	25,000,000
24	17143104	Nguyễn Thanh Bảo	Lâm	30/08/1999	ĐT chất lượng cao	CN chế tạo máy (hệ CLC tiếng Việt)	25.4	25,000,000
25	17147159	Trần Quang	Luyện	02/05/1999	Cơ Khí Động Lực	CNKT nhiệt (hệ Đại trà)	25.4	25,000,000

TT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khoa	Tên ngành	Điểm	Số tiền nhận
26	17148162	Đặng Nguyễn Như	Quỳnh	23/02/1999	In và Truyền thông	CN in (hệ Đại trà)	25.35	25,000,000
27	17144175	Vũ Thị Lệ	Uyên	07/11/1999	ĐT chất lượng cao	CNKT cơ khí (hệ CLC tiếng Việt)	25.35	25,000,000
28	17150048	Nguyễn Thành	Đạt	08/12/1999	CN Hóa học và Thực phẩm	CNKT môi trường (hệ Đại trà)	25.25	25,000,000
29	17129031	Lê Thị Huỳnh	Nhi	22/04/1999	Điện - Điện tử	Kỹ thuật Y sinh (Điện tử Y sinh) (hệ Đại trà)	25.2	25,000,000
30	17131005	Lê Thị Ngọc	Diễm	19/03/1999	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh (hệ Đại trà)	25.2	25,000,000
31	17110165	Trần Đức	Kiệt	16/11/1999	ĐT chất lượng cao	CN Thông Tin (hệ CLC tiếng Việt)	25.15	25,000,000
32	17148083	Trần Minh	Thư	08/09/1999	ĐT chất lượng cao	CN in (hệ CLC tiếng Việt)	25.1	25,000,000
33	17119092	Nguyễn Hữu	Nghĩa	17/07/1999	Điện - Điện tử	CNKT máy tính (hệ Đại trà)	25.1	25,000,000
34	17109048	Nguyễn Trần Yến	Nhi	22/06/1999	ĐT chất lượng cao	CN may (hệ CLC tiếng Việt)	25	25,000,000
TỔNG CỘNG				***Tám trăm tám mươi ba triệu đồng***				**883,000,000**

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. TUYỂN SINH VÀ CÔNG TÁC SV

(đã ký)

TS. Trần Thanh Thưởng